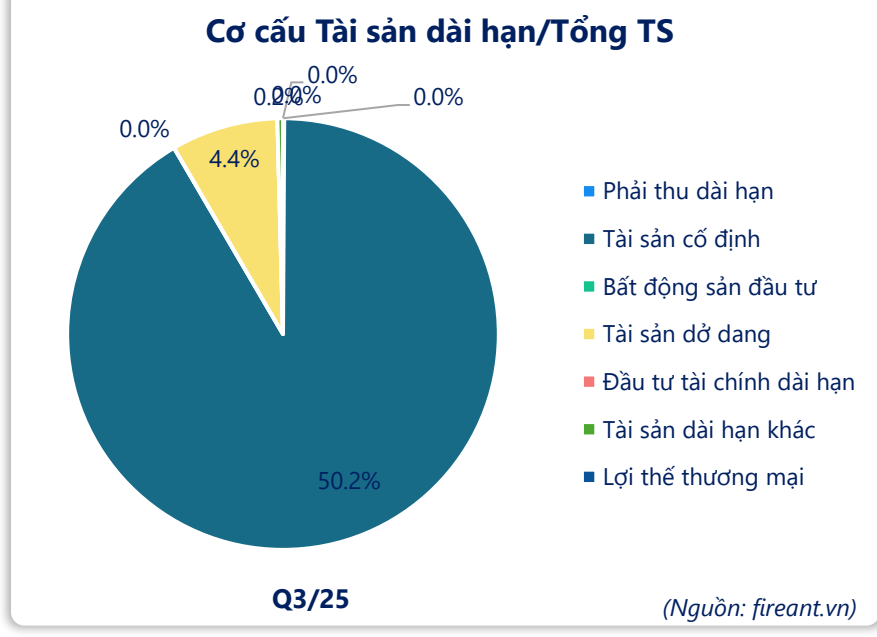
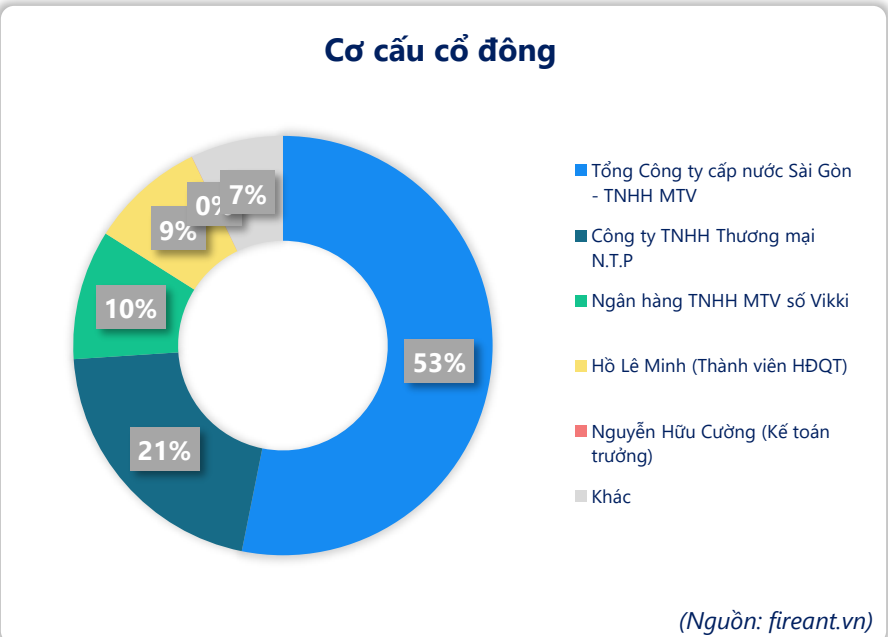
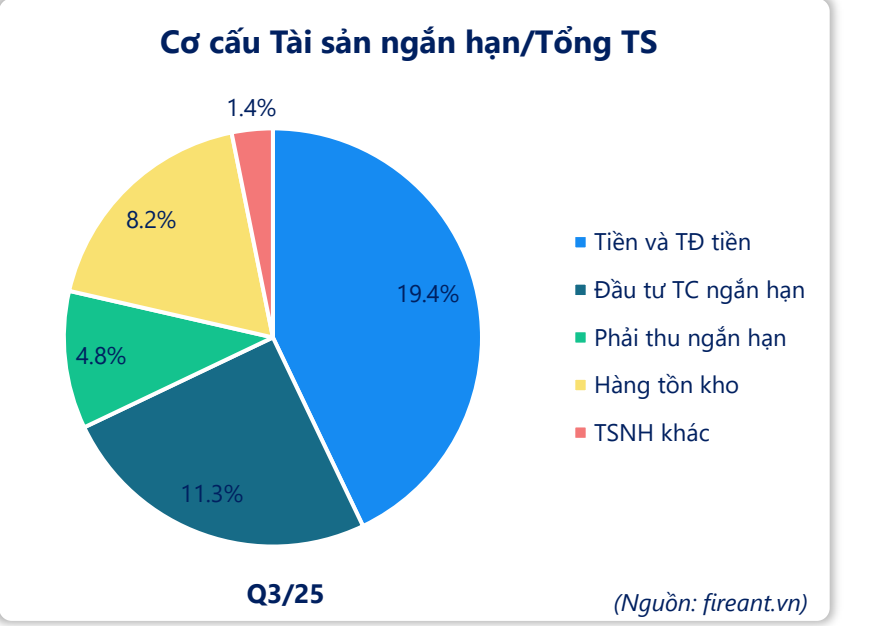
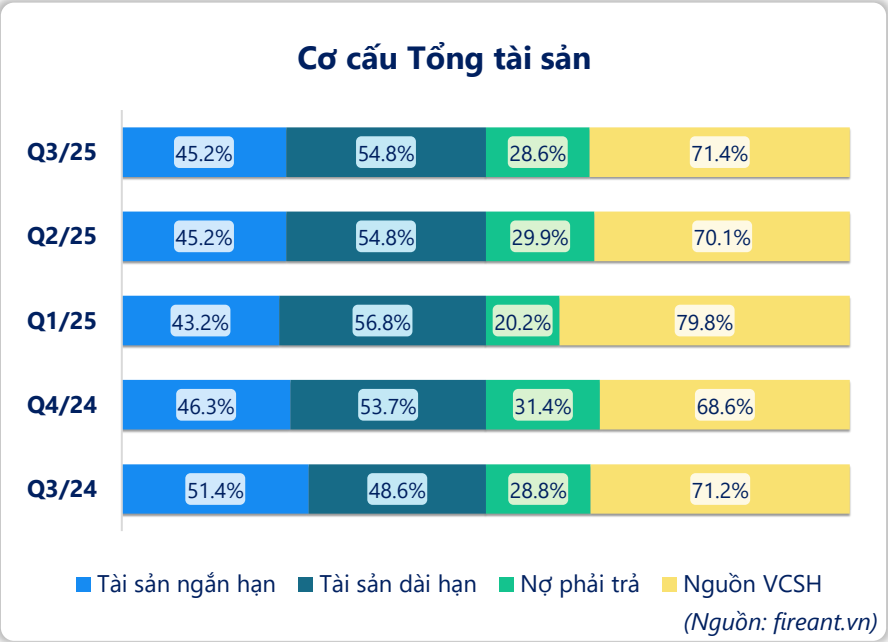
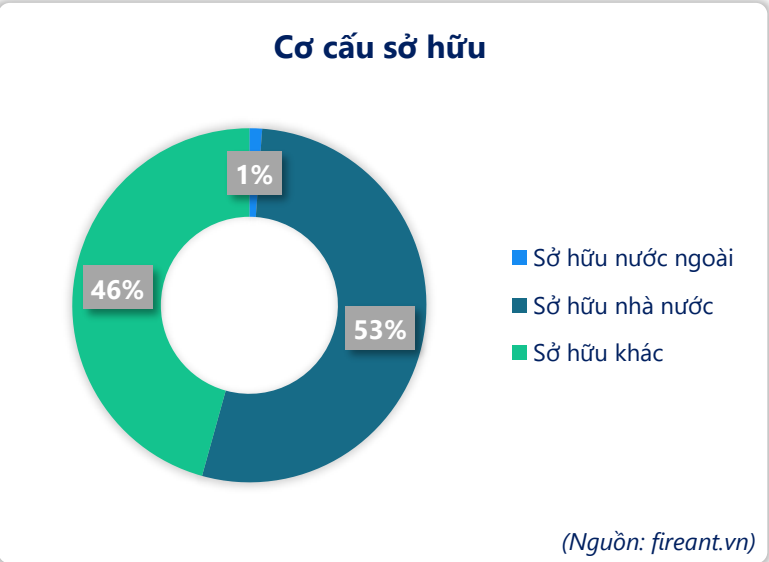
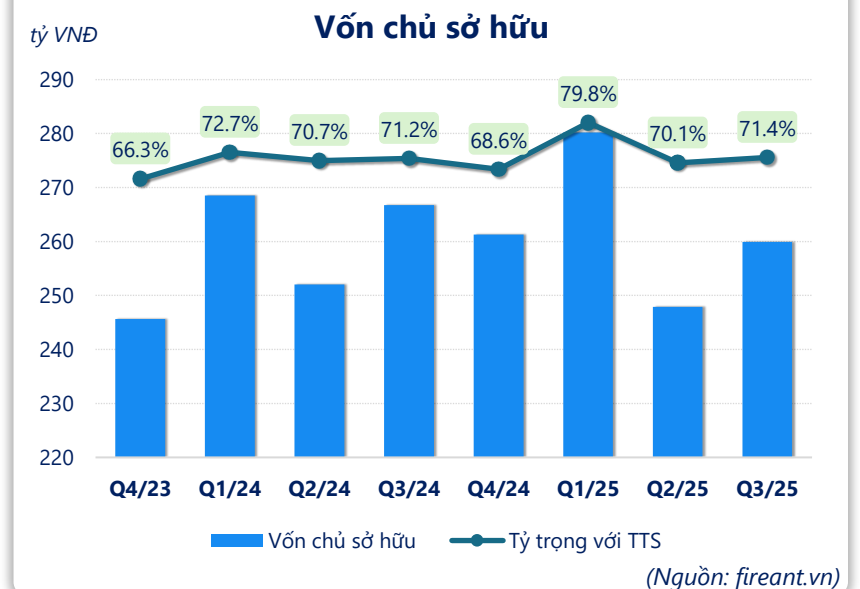
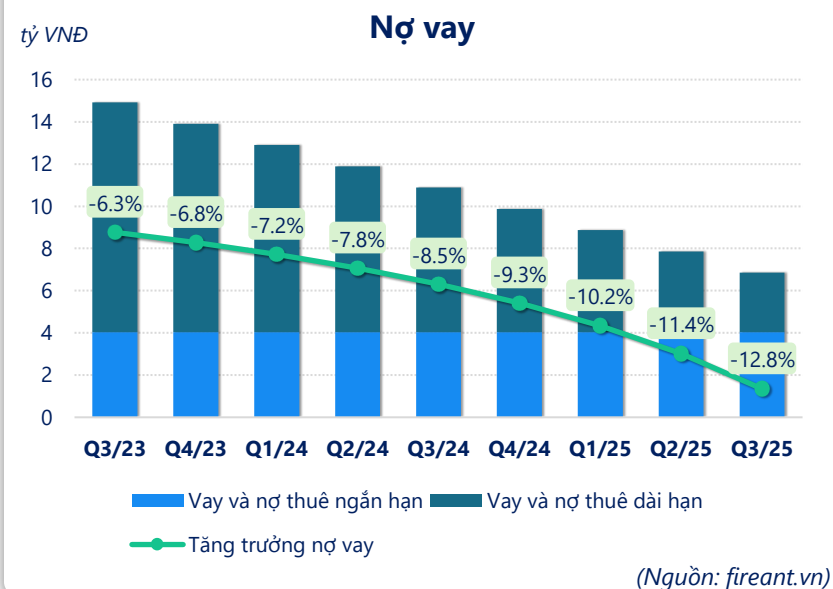
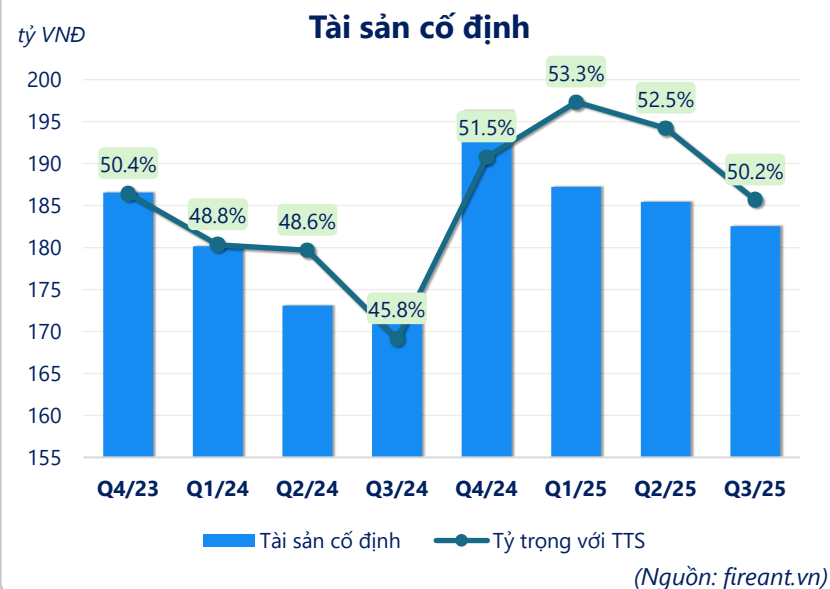
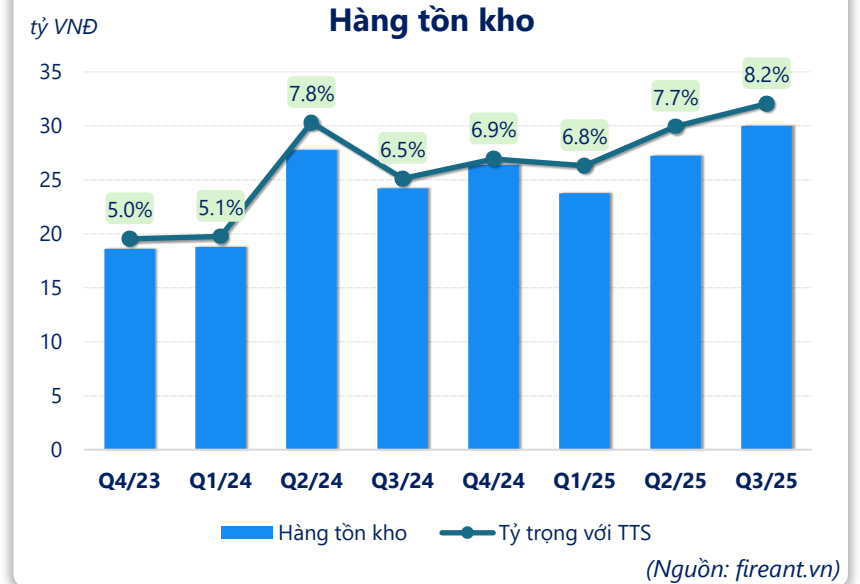
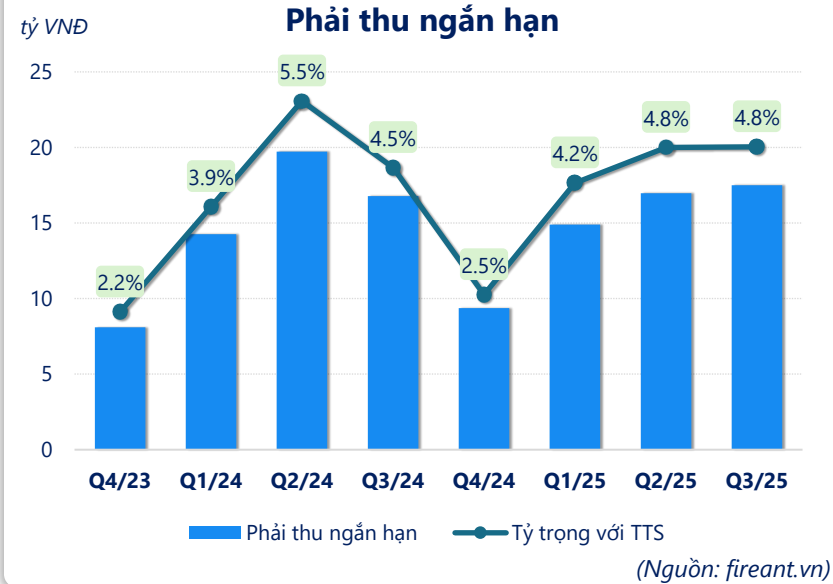
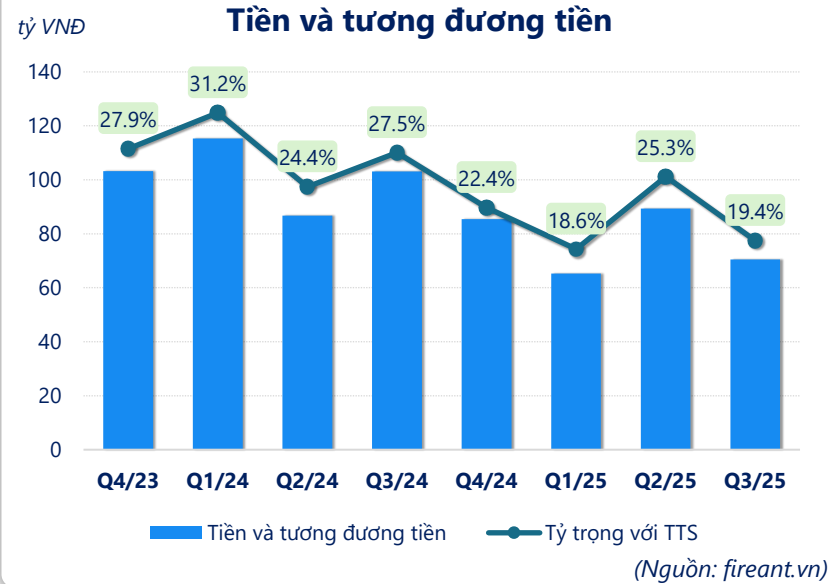
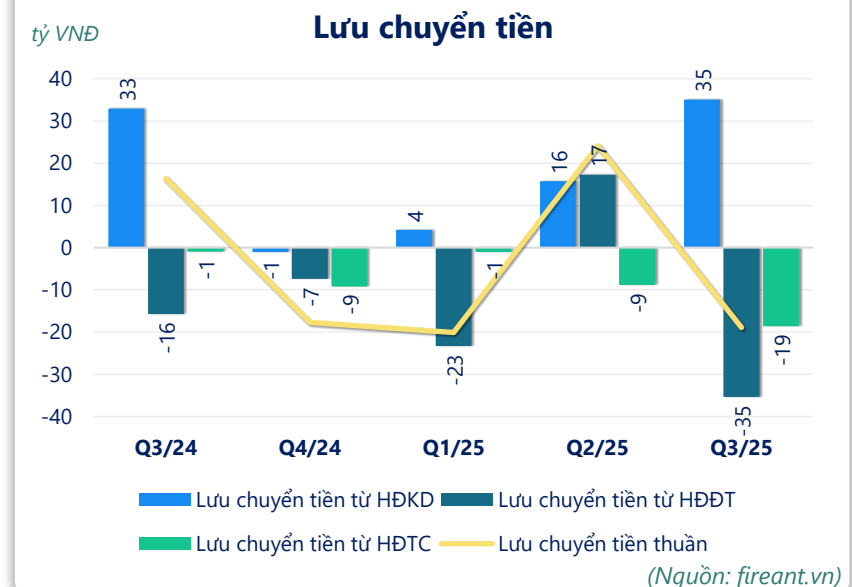
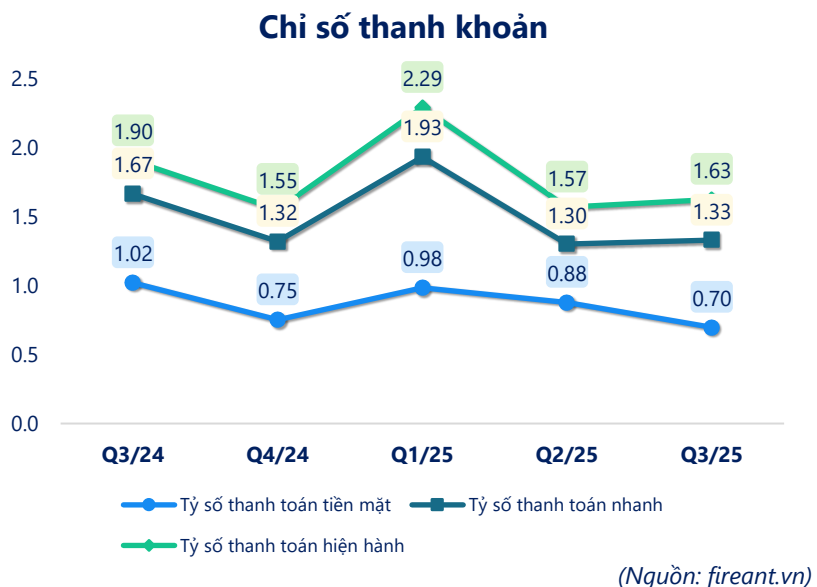
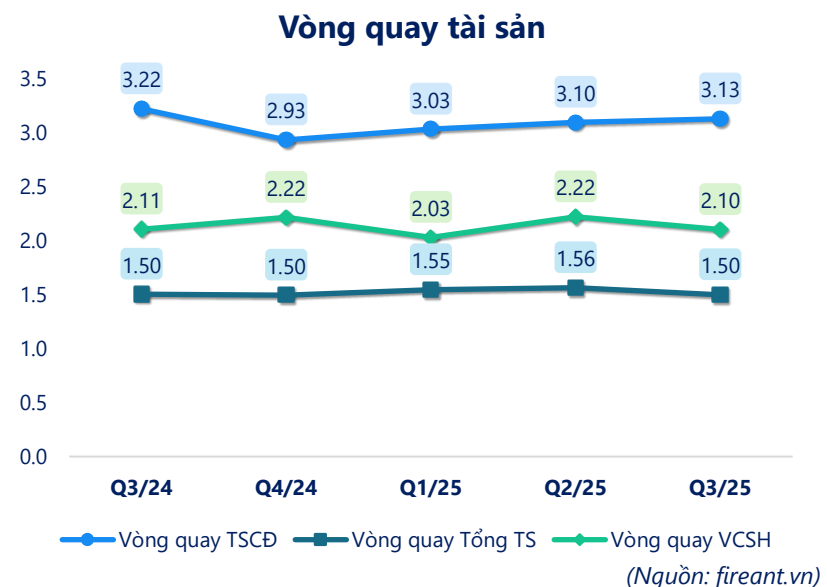
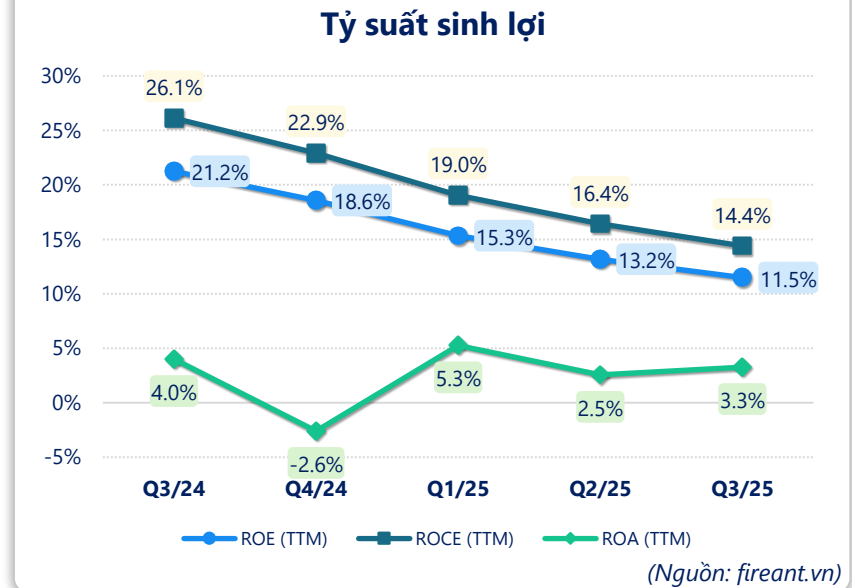
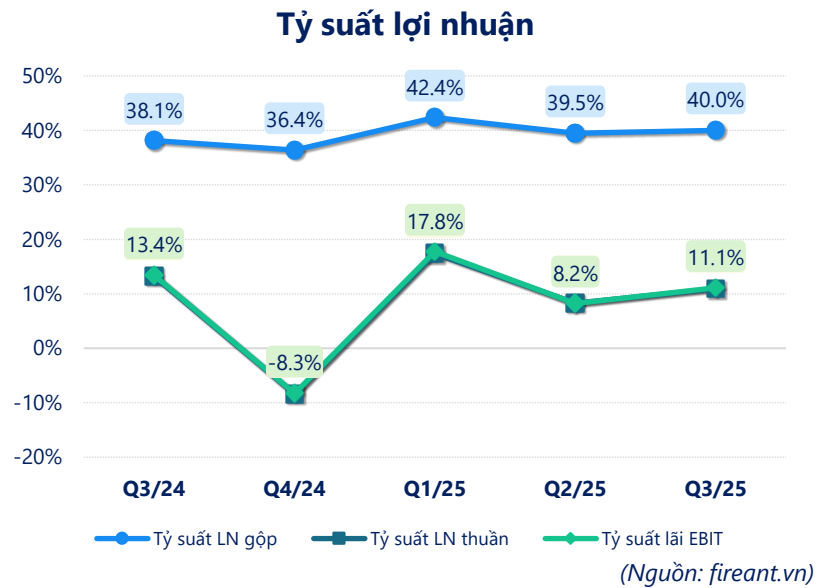
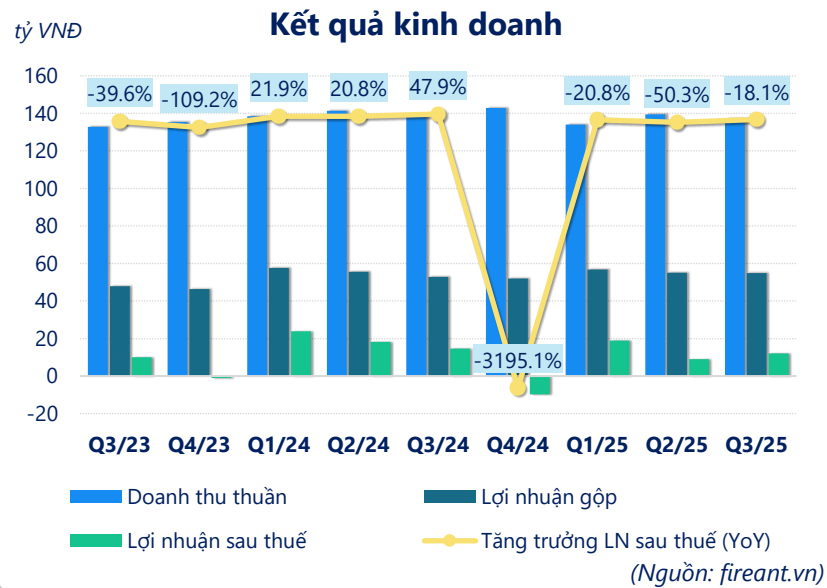


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		66,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		66,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		35,199
SL cổ phiếu LH		9,360,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		32,355
% sở hữu nước ngoài		1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		618
P/E		20.4
EPS		3,233

	YTD	1T	3T	6T
BTW	67.4%	4.6%	32.6%	42.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	364	381	-4.4%
Tài sản ngắn hạn	164	178	-7.7%
Tiền và tương đương tiền	70.5	85.4	-17.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.1	46.1	-10.8%
Phải thu ngắn hạn	17.5	9.21	90.0%
Hàng tồn kho	30.0	25.1	19.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.21	12.3	-57.7%
Tài sản dài hạn	200	203	-1.5%
Phải thu dài hạn	0.18	0.37	-50.9%
Tài sản cố định	183	196	-7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	16.0	5.58	186%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.83	0.23	267%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	104	119	-13.0%
Nợ ngắn hạn	101	114	-11.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.03	4.03	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.7	66.5	-80.8%
Nợ dài hạn	2.82	5.84	-51.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.82	5.84	-51.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	260	261	-0.5%
Vốn chủ sở hữu	260	261	-0.5%
Vốn điều lệ	93.6	93.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	139	143	134	140	137
Giá vốn hàng bán	85.9	90.9	77.3	84.5	82.3
Lợi nhuận gộp	52.8	52.0	56.8	55.1	54.9
Doanh thu HĐTC	0.24	1.03	0.13	0.84	0.22
Chi phí TC	0.19	0.19	0.13	0.15	0.12
Chi phí lãi vay	0.19	0.19	0.13	0.15	0.12
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	21.2	42.6	17.3	27.4	25.0
Chi phí QLDN	13.4	22.1	16.2	16.7	15.0
LN thuần từ HĐKD	18.3	-12.0	23.3	11.6	15.0
Lợi nhuận khác	0.10	-0.05	0.37	-0.29	0.08
LN trước thuế	18.4	-12.0	23.7	11.3	15.1
Lợi nhuận sau thuế	14.7	-9.77	18.9	9.04	12.1
LNST của CĐ cty mẹ	14.7	-9.77	18.9	9.04	12.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	33.0	-1.05	4.18	15.7	35.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.7	-7.43	-23.3	17.2	-35.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.94	-9.20	-1.01	-8.85	-18.6
Tiền đầu kỳ	86.8	103	85.4	65.3	89.4
Lưu chuyển tiền thuần	16.3	-17.7	-20.1	24.1	-18.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	103	85.4	65.3	89.4	70.5

(Nguồn: fireant.vn)